

Đổi mới chế độ sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Võ Đại Lực¹

Nhận ngày 2 tháng 4 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 5 tháng 6 năm 2021.

Từ khóa: Hiện nay, chế độ sở hữu ở Việt Nam đã có những đổi mới cơ bản, nhưng vẫn còn những khác biệt rất lớn so với chế độ sở hữu ở các nền kinh tế thị trường hiện đại. Trong cơ cấu của chế độ sở hữu ở Việt Nam, tỷ trọng của sở hữu nhà nước còn quá lớn; kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo... Chính những khác biệt này đã làm cho nền kinh tế thị trường Việt Nam bị méo mó và giảm lợi thế cạnh tranh quốc gia. Do vậy, công cuộc đổi mới và hoàn thiện chế độ sở hữu ở Việt Nam phải hướng tới việc khắc phục những hạn chế trên và đạt tới sức cạnh tranh ngang hàng với các nền kinh tế thị trường hiện đại khác.

Từ khóa: Chế độ sở hữu, kinh tế thị trường, Việt Nam.

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: Currently, the ownership regime in Vietnam has undergone fundamental reforms, but there are still huge differences between it and that of modern market economies. In the structure of the ownership regime in Vietnam, the proportion of state ownership is still too large, and State-owned economy plays a key role... It is these differences that make Vietnam's market economy distorted and reduce the country's competitive advantage. Therefore, the renovation and improvement of the ownership regime in Vietnam must aim to overcome the above limitations and achieve competitiveness on par with other modern market economies.

Keywords: Ownership regime, market economy, Vietnam.

Subject classification: Economics

¹ Trung tâm Kinh tế châu Á - Thái Bình Dương.
Email: vodailuoc@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Trước khi bàn về chế độ sở hữu, cần phải giả định khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (XHCN) làm khuôn khổ cho chế độ sở hữu sẽ được bàn đến. Vì cách hiểu nền kinh tế thị trường định hướng XHCN như thế nào, thì quan điểm về chế độ sở hữu sẽ bị lệ thuộc vào đó. Nền kinh tế thị trường trong khuôn khổ của bài viết này là nền kinh tế thị trường tuân thủ đầy đủ các nguyên tắc cơ bản của nền kinh tế thị trường hiện đại, tính định hướng XHCN được hiểu là sự phát triển kinh tế thị trường rút ngắn, nghĩa là nếu nền kinh tế thị trường hiện đại đã ra đời và phát triển đạt tới trình độ hiện nay phải mất 4 thế kỷ, thì nền kinh tế thị trường định hướng XHCN sẽ đạt tới trình độ hiện đại trong thời gian rút ngắn khoảng 30 - 40 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Nền kinh tế thị trường thực sự hiện đang tồn tại ở tất cả các nước phát triển có thể với các mô hình khác nhau. Nhưng tất cả đều có những đặc điểm chung, đó là: *thứ nhất*, cơ sở vật chất và công nghệ của các nền kinh tế thị trường này đều dựa trên sự phát triển của đại công nghiệp và đang có xu hướng chuyển sang nền kinh tế tri thức; *thứ hai*, tất cả các nền kinh tế thị trường này đều dựa trên nền tảng là sở hữu tư nhân, tuy vẫn có sở hữu nhà nước, nhưng có tỷ trọng không lớn và chỉ có vai trò hỗ trợ cho sở hữu tư nhân phát triển; *thứ ba*, giá cả của tất cả các loại hàng hóa và dịch vụ, lãi suất, tỷ giá, tiền lương ... đều do thị trường xác định, có sự điều tiết hợp lý của Nhà nước khi cần thiết; *thứ tư*, các nguồn lực phát triển: tiền tệ, vốn, công nghệ, lao động... do thị trường phân bổ; *thứ năm*, các nền kinh tế thị trường này đều mở cửa, hội

nhập quốc tế; *thứ sáu*, trong các nền kinh tế thị trường này, Nhà nước đều can thiệp để hạn chế bớt sự méo mó của thị trường như: giảm bớt tình trạng nghèo đói, giảm ô nhiễm môi trường, hạn chế tác động tiêu cực của khủng hoảng, định hướng hỗ trợ phát triển khoa học công nghệ và hội nhập quốc tế, vv..

Các nền kinh tế thị trường này có thể có các mô hình khác nhau, chẳng hạn: mô hình kinh tế thị trường Mỹ - tự do thị trường cao hơn, Nhà nước can thiệp ít hơn; mô hình kinh tế thị trường châu Âu coi trọng hệ thống phúc lợi xã hội hơn, giới chủ và thợ có quan hệ hợp tác hơn...; mô hình kinh tế thị trường Đông Á - Nhà nước có vai trò chủ đạo rõ hơn trong việc định hướng phát triển. Nhưng tất cả đều có một điểm chung là đều phải xem sở hữu tư nhân là nền tảng. Một khi sở hữu tư nhân chưa phải là nền tảng, hay không được xem là nền tảng thì tất cả các đặc điểm khác của kinh tế thị trường sẽ bị méo mó, biến dạng. Từ quan điểm về chế độ sở hữu, bài viết này² bàn về giải pháp đổi mới chế độ sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay.

2. Những quan điểm về chế độ sở hữu

2.1. Chế độ sở hữu phải phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất

Chế độ sở hữu nô lệ tồn tại trên cơ sở kinh tế hái lượm và săn bắn, nhưng khi

² Bài viết này là sản phẩm của Đề tài độc lập cấp Quốc gia: “Quan hệ kinh tế Mỹ - Trung Quốc - Nga trong bối cảnh mới”, mã số ĐTĐL.XH-02/21.

nền kinh tế trồng trọt và chăn nuôi xuất hiện, thì chế độ sở hữu nô lệ cũng không còn cơ sở để tồn tại. Đến khi các công trường thủ công xuất hiện nền văn minh công nghiệp phát triển, thì chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến cũng không thể tồn tại, chế độ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa (TBCN) đã xuất hiện và thay thế nó. Ngay cả chế độ sở hữu tư nhân TBCN cũng luôn tự điều chỉnh và phát triển phù hợp với trình độ phát triển của đại công nghiệp. Nước Anh với nền văn minh công nghiệp đã thống trị thế giới. Nhưng nền văn minh công nghiệp đã nhường chỗ cho nền văn minh tài chính với chế độ sở hữu tư bản (chứ không phải là sở hữu nhà máy), nước Mỹ đã thống trị thế giới bằng nền văn minh tài chính. Người ta đang nói tới thời kỳ tàn lụi của văn minh tài chính, một nền kinh tế tri thức đã xuất hiện, chế độ sở hữu trí tuệ sẽ thống trị và các nhân tài sẽ có vai trò chi phối thế giới này. C.Mác đã khái quát mối quan hệ phụ thuộc này thành quy luật thích ứng giữa quan hệ sản xuất với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất và quy luật này chi phối sự phát triển của các chế độ sở hữu và do đó cả các chế độ xã hội với câu nói nổi tiếng là “Cái cối xay tay đem lại xã hội có vua chúa, cái cối xay chạy bằng hơi nước đem lại xã hội có nhà tư bản công nghiệp” (C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n, 2002, t.4, tr.187).

Quá trình đổi mới chế độ sở hữu ở Việt Nam cũng đang và sẽ bị chi phối bởi quy luật này. Chế độ sở hữu trước đổi mới 1986 không phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất nước ta lúc đó là minh chứng rõ nhất.

2.2. Các hình thức sở hữu ngày càng đa dạng và luôn bị chi phối bởi hình thức sở hữu tiên tiến nhất

Sự phát triển của các hình thức sở hữu ngày càng đa dạng, từ chế độ sở hữu nô lệ, chế độ sở hữu ruộng đất đến chế độ sở hữu TBCN hiện đại. Chế độ sở hữu nô lệ là chế độ tư hữu thuần nhất của các chủ nô lệ. Chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến có hình thức sở hữu tư và công, trong đó hình thức tư hữu ruộng đất là hình thức tiên tiến nhất có vai trò chi phối dưới chế độ phong kiến. Chế độ sở hữu TBCN hiện đại đã ngày càng đa dạng, gồm: sở hữu tư nhân, sở hữu nhà nước, sở hữu cổ phần. Trong đó, hình thức sở hữu cổ phần là hình thức sở hữu xã hội tiên tiến nhất, phổ biến nhất và có vai trò chi phối nhất trong xã hội TBCN hiện đại. Hình thức của cải của xã hội phổ biến không phải là hàng đồng hàng hóa, hay là hàng triệu nhà máy, mà là chứng khoán, các giấy tờ có giá được lưu hành trên thị trường tài chính. Những của cải vật chất của các chủ sở hữu có thể vẫn tồn tại bất động, nhưng giá trị thực của nó đã lưu thông, vận động khôn cùng trên các thị trường tài chính, các chủ sở hữu tư nhân, hay Nhà nước cũng phải nắm giữ các công cụ tài chính quan trọng này. Các chính phủ hiện đại đang điều chỉnh nền kinh tế bằng các công cụ tài chính là chính, chứ không phải bằng các mệnh lệnh. Lãi suất, thuế, tỷ giá, công trái... là các công cụ chính của các chính phủ này, các công ty muốn huy động vốn chủ yếu phải bằng phát hành trái phiếu công ty trên thị trường chứng khoán là chính, chứ không phải bằng vay ngân hàng. Khác hẳn với nền kinh tế thị trường kém phát triển của Việt Nam hiện nay,

đường như nguồn vốn lớn nhất mà các công ty có thể tìm kiếm là từ các ngân hàng thương mại. Nền kinh tế thị trường Việt Nam phải hướng tới hình thức sở hữu tiên tiến này.

2.3. Các quan hệ sở hữu phải được thể chế hóa theo hướng hiện đại mới có giá trị thực tế

Các quan hệ sở hữu phải được bảo vệ bằng hệ thống thể chế chính thức của Nhà nước mới có giá trị thực tế. Quyền sở hữu tư nhân là quyền sở hữu cơ bản của mọi nền kinh tế thị trường phải được bảo vệ trước hết, phải được thể chế hóa trước hết. Các bộ luật dân sự, luật kinh tế phải thể hiện yêu cầu này. Tất cả các quan hệ sở hữu đa dạng trên mọi lĩnh vực từ tư liệu sản xuất đến tư liệu tiêu dùng, từ lĩnh vực bất động sản đến tài chính, từ sở hữu các sản phẩm vật chất đến sở hữu trí tuệ... đều phải được thể chế hóa. Hình thức của cải của xã hội đã phát triển và tiến hóa, chế độ sở hữu cũng vậy, đã tiến từ sở hữu đất đai, sở hữu các tư liệu sản xuất, sở hữu các loại cổ phiếu, trái phiếu chứng khoán đến sở hữu trí tuệ. Các thể chế cũng luôn được đổi mới để phù hợp với các hình thức sở hữu trên.

Các nền kinh tế thị trường phát triển đã trải qua hơn 4 thế kỷ điều chỉnh, thích ứng của các loại thể chế liên quan đến chế độ sở hữu, do vậy những thể chế này đã càng hoàn thiện và ngày càng được hiện đại hóa. Các nền kinh tế thị trường kém phát triển có được lợi thế đi sau có thể rút ngắn con đường thể chế hóa các quan hệ sở hữu theo hướng hiện đại (Võ Đại Lực, 2011).

Quan hệ sở hữu liên quan đến toàn bộ quá trình sản xuất, lưu thông, phân phối và

tiêu dùng, do vậy việc thể chế hóa quan hệ sở hữu phải là sự thể chế hóa toàn bộ quá trình đó, không thể thể chế hóa từng khâu, từng bộ phận.

Việc thể chế hóa các quan hệ sở hữu không thể chỉ dừng ở việc lập pháp, mà phải tính đến cả việc xây dựng các cơ quan thực thi, kiểm tra, giám sát...

2.4. Cải cách chế độ sở hữu ở Việt Nam phải theo hướng hiện đại

Thứ nhất, trong cơ cấu của chế độ sở hữu Việt Nam, tỷ trọng của sở hữu nhà nước còn quá lớn, các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) đã chiếm tới 28% GDP, nếu kể cả các ngân hàng thương mại nhà nước thì tỷ trọng này tới 34% GDP, trong khi ở các nền kinh tế thị trường phát triển, tỷ trọng này chỉ dưới 10%.

Thứ hai, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, trong khi ở các nền kinh tế thị trường phát triển, kinh tế nhà nước không có vai trò này.

Thứ ba, sở hữu tư nhân là nền tảng của các nền kinh tế thị trường hiện đại, thì ở Việt Nam sở hữu tư nhân chưa có vai trò đó.

Thứ tư, kinh tế thị trường ở Việt Nam theo định hướng XHCN, còn các nền kinh tế thị trường phát triển không có định hướng chính trị.

Chính những khác biệt trên đây đã làm cho nền kinh tế thị trường Việt Nam bị méo mó và giảm lợi thế cạnh tranh quốc gia.

Do vậy công cuộc đổi mới và hoàn thiện chế độ sở hữu ở Việt Nam phải hướng tới việc khắc phục những hạn chế trên và đạt tới sức cạnh tranh ngang hàng với các nền kinh tế thị trường hiện đại khác.

Quá trình cải cách này cần có những bước đi phù hợp.

Trước hết phải phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân để khu vực này dần dần có thể thay thế các DNNN ở những lĩnh vực Nhà nước không cần nắm giữ.

Đồng thời phải thực hiện cổ phần hóa DNNN, Nhà nước rút vốn ra khỏi những lĩnh vực không cần nắm giữ, giảm tỷ trọng của DNNN xuống mức thích hợp, tạo điều kiện cho khu vực tư nhân phát triển.

Thực hiện việc phân bổ các nguồn lực theo cơ chế thị trường cạnh tranh, theo các tín hiệu giá cả thị trường như giá cả hàng hóa dịch vụ, lãi suất, tỷ giá, tiền lương.

Xây dựng các thị trường yếu tố, đặc biệt là thị trường bất động sản và thị trường tài chính là hai thị trường có ý nghĩa chi phối, khuyến khích cạnh tranh, kiểm soát độc quyền.

2.5. Nhà nước luôn có vai trò quan trọng trong tiến trình đổi mới và hoàn thiện chế độ sở hữu

Ở những nền kinh tế đã phát triển, thị trường đã hoàn thiện, Nhà nước chỉ giữ vai trò hỗ trợ thị trường, khắc phục các yếu kém của thị trường, và để làm điều này khu vực sở hữu nhà nước nói chung là nhỏ, Nhà nước không cần có khu vực sở hữu lớn cũng có thể làm được vai trò đó. Song, dù là nhỏ cũng phải có, và dường như sự tồn tại của sở hữu nhà nước có tính tất yếu khách quan.

Đối với những nền kinh tế kém và đang phát triển, khu vực sở hữu nhà nước thường có tỷ trọng lớn, và chiếm giữ những ngành và lĩnh vực quan trọng. Nhà nước thường sử dụng khu vực này để định hướng và ổn

định nền kinh tế. Chẳng hạn, Nhà nước có thể xây dựng một số nhà máy, sau đó bán lại cho tư nhân, rút vốn ra, tiếp tục xây dựng các nhà máy khác, lại bán cho tư nhân.

Vai trò quan trọng nhất của Nhà nước là khuyến khích khu vực tư nhân phát triển, bảo vệ quyền sở hữu tư nhân, định vị khu vực sở hữu nhà nước một cách hợp lý và thường là ở những lĩnh vực tư nhân không làm được.

3. Giải pháp đổi mới chế độ sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

3.1. Đổi mới quan điểm về chế độ sở hữu

Quan điểm xem sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể là công hữu, là chế độ sở hữu XHCN đối lập với chế độ sở hữu tư nhân TBCN. Đây là quan điểm phát triển của mô hình kinh tế Xô viết do các nhà kinh tế Nga đề xuất. Mô hình này đã tồn tại 74 năm và sự sụp đổ của nó đã chứng tỏ quan điểm trên không có căn cứ thực tiễn. Về lý luận, cả C.Mác và V.Lê-nin cũng không có chỗ nào khẳng định rằng, công hữu là sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể. Quan điểm về chế độ sở hữu ở nước ta một thời đã xem sở hữu nhà nước và sở hữu tập thể là hai hình thức cơ bản của chế độ công hữu. Trong quá trình đổi mới, quan điểm này đã dần dần được khắc phục. Vấn đề đặt ra hiện nay là, trong quan điểm về chế độ sở hữu còn có những quan điểm gì bất cập và bất cập so với tiêu chí nào, và phải đổi mới những quan điểm này như thế nào?

Kinh tế Việt Nam là kinh tế thị trường hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, do đó

nó phải đối diện cạnh tranh với tất cả các nền kinh tế thị trường trên toàn cầu. Trong nền kinh tế thị trường, chế độ sở hữu là yếu tố cơ bản tạo lập sức mạnh cạnh tranh. Thực tế trên thế giới cho thấy, những DNNN nói chung dù có hiệu quả cũng không đủ sức cạnh tranh với doanh nghiệp tư nhân. Đó là lý do mà các nước phát triển phải liên tục thực hiện chương trình tư nhân hóa để thu hẹp khu vực DNNN. Chỉ trong điều kiện khủng hoảng, một số doanh nghiệp tư nhân có vai trò hết sức quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân bị lâm nguy, thì Nhà nước mới buộc phải quốc hữu hóa.

Thực tế trên thế giới cho thấy, các DNNN thường hiện diện ở những lĩnh vực kinh tế mà kinh tế tư nhân không làm được. Tuy nhiên, những lĩnh vực có thể kinh doanh kiếm lợi, có tính cạnh tranh cao nên để cho tư nhân làm.

Quan điểm phát triển chế độ sở hữu ở nước ta phải ngày càng tiếp cận với các quan điểm phát triển chế độ sở hữu của các nền kinh tế thị trường hiện đại. Những quan điểm này đại thể là:

- Khu vực sở hữu nhà nước là cần thiết và tồn tại như một tất yếu khách quan và giữ vai trò hỗ trợ cho khu vực kinh tế tư nhân, góp phần định hướng phát triển chủ yếu ở một số ngành công nghiệp quốc phòng, công nghệ tiên tiến, dịch vụ công...

- Khu vực sở hữu tư nhân là nền tảng của nền kinh tế, phải được khuyến khích phát triển và bảo vệ các quyền cần thiết (Phạm Minh Chính, Vương Quân Hoàng, 2009).

Sở hữu cổ phần là hình thức sở hữu phổ biến và tiên tiến mà chúng ta cần tạo dựng các điều kiện cần thiết cho nó phát triển, đặc biệt là phát triển thị trường tài chính đa dạng. Để làm được điều này, trước hết phải

xây dựng các thể chế hiện đại cho các thị trường tài chính, đặc biệt là thị trường chứng khoán, tạo điều kiện cho tất cả các doanh nghiệp cả của Nhà nước và tư nhân có thể phát hành cổ phiếu, trái phiếu trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, phải tuyển chọn những nhà quản lý tài năng vào các vị trí quản trị các thị trường này kể cả các nhà quản lý nước ngoài.

Những quan điểm trên có tính chất chung cho các chế độ sở hữu của mọi nền kinh tế thị trường hiện đại, tuy nhiên, mỗi một nền kinh tế thị trường của một quốc gia lại có những điều kiện đặc thù cần phải tính đến. Những điều kiện đặc thù này có thể làm cho các chế độ sở hữu ở các nền kinh tế thị trường khác có những sắc thái khác nhau.

3.2. Đổi mới sở hữu nhà nước và vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước

Sở hữu nhà nước là yếu tố nền tảng cho vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, sở hữu nhà nước bao gồm: sở hữu đất đai, rừng biển, các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, các DNNN, các cơ sở làm các dịch vụ công, v.v.. Quan trọng nhất trong sở hữu nhà nước là các DNNN, các kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội, các cơ sở làm dịch vụ công. Sở hữu nhà nước không đồng nhất với kinh tế nhà nước, vì kinh tế nhà nước còn bao gồm cả ngân sách quốc gia, bộ máy điều hành nền kinh tế quốc dân...

Trong các nền kinh tế thị trường hiện đại, không có nền kinh tế thị trường nào xem kinh tế nhà nước là chủ đạo. Tuy nhiên, các nền kinh tế thị trường Đông Á phát triển, Nhà nước (chứ không phải kinh tế nhà nước) đã có vai trò chủ đạo trong cả việc phân bổ nguồn lực và phân phối lại,

nhưng cũng chỉ ở giai đoạn bứt phá chuyển thành nền kinh tế phát triển.

Nền kinh tế thị trường XHCN của Trung Quốc và nền kinh tế thị trường định hướng XHCN của Việt Nam có một điểm đặc thù là đã xem kinh tế nhà nước là khu vực có vai trò chủ đạo. Vai trò chủ đạo này được xác định là công cụ định hướng điều tiết nền kinh tế, tạo điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển, cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. Đại hội XI của Đảng, Hiến pháp năm 1992 sửa đổi cũng khẳng định quan điểm này. Tuy nhiên, các văn kiện trên đều khẳng định, xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu, xóa bỏ độc quyền và độc quyền sản xuất kinh doanh của DNNN, phát triển các doanh nghiệp cổ phần trở thành hình thức kinh tế phổ biến...

Trên thực tế, trong khu vực kinh tế nhà nước đang xuất hiện không ít vấn đề phức tạp (Võ Đại Lược, 2011).

- Tỷ trọng của khu vực kinh tế quốc doanh hiện còn quá lớn (khoảng 34% GDP), đây là một yếu tố làm giảm hiệu quả của nền kinh tế.

- Các DNNN hiện nắm giữ không chỉ những ngành quan trọng nhất là đầu vào của nền kinh tế, có tính độc quyền cao, mà còn kinh doanh những lĩnh vực kinh tế có lợi nhuận cao, mà chính phủ không cần nắm như: rượu, bia, nước giải khát, trồng cao su, v.v..

- Tốc độ cổ phần hóa các DNNN rất chậm chạp và dường như chỉ tập trung cổ phần hóa các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ.

- Cơ chế quản trị các DNNN, các tổng công ty, các tập đoàn kinh tế không theo các cơ chế quản trị hiện đại, mà có tính tùy tiện.

- Các Bộ, ngành vừa là cơ quan chủ quản các DNNN lại vừa là cơ quan ban hành chính sách, do vậy dễ có những quan hệ lợi ích chi phối.

Để khắc phục những hạn chế trên, cần thực thi những giải pháp sau:

- Giảm tỷ trọng của khu vực DNNN xuống mức phù hợp với thị trường thế giới. Nhà nước cần xây dựng một chương trình rút vốn khỏi tất cả các DNNN mà Nhà nước không cần nắm giữ, trước hết là những DNNN hiện kinh doanh có lãi như rượu, bia, nước giải khát... Thực tế trên thế giới cho thấy, nếu Nhà nước bán các DNNN này trên thị trường chứng khoán, nhường cho tư nhân, thì khoản thuế mà Nhà nước thu được sẽ lớn hơn lợi tức mà Nhà nước thu khi làm chủ sở hữu. Giải pháp này không chỉ giúp Nhà nước có được một khoản vốn lớn từ các DNNN này, mà còn là cú hích thúc đẩy thị trường chứng khoán Việt Nam phát triển.

- Xây dựng và thực hiện quyết liệt một chương trình cổ phần hóa bắt buộc đối với tất cả các DNNN mà Nhà nước không cần nắm giữ từ 51% đến 100%. Những DNNN này hiện còn nhiều trong các lĩnh vực như: thương mại, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, kể cả các lĩnh vực sản xuất tư liệu sản xuất thông thường.

- Áp dụng cơ chế cổ phần hóa hiện đại theo hướng công khai, minh bạch, đấu thầu các cổ phiếu này trên thị trường chứng khoán, cấm việc bán cổ phiếu chỉ trong nội bộ doanh nghiệp, bán cho những người quản lý doanh nghiệp, vì đây là hành vi dễ bị lợi dụng làm thất thoát tài sản nhà nước.

Chương trình này phải tối thiểu hóa các DNNN mà Nhà nước nắm giữ 51 - 100% cổ phần.

- Thực hiện cơ chế quản trị doanh nghiệp hiện đại theo các chuẩn mực của các nước phát triển.

- Thực hiện chế độ thi tuyển cạnh tranh các chức vụ quản lý quan trọng trong các DNNN.

3.3. Đổi mới chế độ sở hữu đất đai theo hướng đảm bảo sử dụng đất có hiệu quả

Cho đến nay ở Việt Nam, đất đai thuộc sở hữu toàn dân, tuy có không ít ý kiến muốn đa dạng hóa chế độ sở hữu đất đai, nghĩa là muốn xây dựng một chế độ sở hữu đất đai đa dạng, trong đó có sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân. Tuy nhiên, cuộc thảo luận đã được khép lại với việc Quốc hội thông qua Luật Đất đai sửa đổi vẫn khẳng định đất đai thuộc sở hữu toàn dân.

Vấn đề đặt ra hiện nay là, phải đổi mới, hoàn thiện chế độ sở hữu đất đai cả về nội dung kinh tế và pháp lý. Về kinh tế, cần mở rộng quyền sử dụng đất như kéo dài thời hạn sử dụng đất cho các chủ kinh doanh phù hợp với hoạt động kinh doanh của họ chẳng hạn: đối với đất nông nghiệp, thời hạn sử dụng có thể là 20 - 30 năm; đất lâm nghiệp là 50 - 70 năm; đất đô thị là 99 năm, v.v.. Tăng hạn điền theo hiệu quả sử dụng đất cho các loại cây trồng yêu cầu, chẳng hạn đất trồng lúa có thể phải đến 40 - 50 ha, đất trồng rừng có thể vài trăm héc ta, v.v..

Về quản lý Nhà nước cũng cần có những đổi mới:

- Nhà nước phải xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai, có chế tài giám sát việc thực hiện.

- Thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo các nguyên tắc của thị trường, công khai, minh bạch, bãi bỏ cơ chế “xin - cho”.

- Nhà nước phải quy định việc phân phối lại lợi ích phát sinh từ quá trình chuyển đổi công năng, mục đích sử dụng đất, từ hoạt động đầu tư cơ sở hạ tầng làm tăng giá trị đất, v.v..

- Hoàn thiện hệ thống đăng ký đất đai, bất động sản, cơ chế cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất, đây là cơ sở pháp lý cơ bản cho thị trường bất động sản hoạt động hiệu quả.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống dữ liệu về đất đai và bất động sản, công bố công khai các thông tin cần thiết về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, các biến động về giá cả, các kế hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng gắn với đất...

- Xây dựng và hoàn thiện các cơ chế hoạt động của thị trường bất động sản theo hướng hiện đại, đảm bảo cho thị trường bất động sản phát triển bền vững, chống động cơ thổi giá bất động sản tăng cao phi lý.

- Hoàn thiện cơ chế định giá đất theo các nguyên tắc của thị trường.

3.4. Đổi mới chế độ sở hữu trí tuệ theo hướng khuyến khích sáng tạo hữu hiệu, bảo vệ quyền sở hữu trên các lĩnh vực

Từ những năm 1980, Việt Nam đã đặt vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Năm 1995, Luật Dân sự đã có điều khoản bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, đến năm 2005 Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam được ban hành, và Cục Sở hữu trí tuệ, Viện Nghiên cứu Sở hữu trí tuệ được thành lập và hoạt động.

Tuy nhiên, thực trạng về sở hữu trí tuệ ở Việt Nam hiện nay đang tồn tại một số vấn đề bất cập:

Thứ nhất, các bằng phát minh, sáng chế khoa học công nghệ của Việt Nam còn rất hạn chế so với các nước trong khu vực.

Thứ hai, đội ngũ các nhà khoa học và công nghệ tài năng, các chuyên gia cao cấp hàng đầu, các tổng công trình sư của Việt Nam còn rất thiếu, dù số lượng giáo sư, tiến sĩ ngày càng đông đảo, các viện nghiên cứu cũng gia tăng liên tục. Vì thiếu đội ngũ tài năng này, nên đội ngũ cán bộ khoa học thiếu những người dẫn đầu sử dụng họ một cách hiệu quả. Do vậy, cán bộ khoa học và công nghệ Việt Nam đông mà không mạnh, nhiều người có học hàm học vị, nhưng lại thiếu sáng tạo, phát minh.

Thứ ba, tình trạng vi phạm sở hữu trí tuệ diễn biến phức tạp và khá phổ biến. Mẫu mã hàng hóa bị làm giả, làm nhái. Các quyền tác giả tác phẩm cũng bị xâm phạm. Không ít thương hiệu nổi tiếng bị biến mất như phở 24...

Thứ tư, sự phối hợp giữa cơ quan quản lý và các doanh nghiệp chưa tốt, nên trong khi doanh nghiệp cho rằng, mình không được bảo vệ, còn các cơ quan quản lý thì nói rằng, họ không được báo cáo thông tin đầy đủ.

Thứ năm, các cơ chế chính sách còn chưa cụ thể, đặc biệt là thiếu chế tài đủ mức răn đe.

Thứ sáu, công tác tuyên truyền, phổ biến về các quyền sở hữu trí tuệ còn hạn chế.

Để đổi mới và hoàn thiện chế độ sở hữu trí tuệ ở Việt Nam, cần phải áp dụng những giải pháp sau đây:

(i) Thúc đẩy, khuyến khích hoạt động sáng tạo ở Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực để có thể tạo ra một dung lượng tri thức mới, các bằng phát minh sáng chế, các thương hiệu... Đây chính là tài sản quốc gia đáng giá nhất cần phải được bảo vệ. Nếu Việt Nam không có những tài sản này, thì

Việt Nam chỉ có thể bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của người nước ngoài.

(ii) Hoàn thiện hệ thống thể chế gồm cả các luật lệ liên quan đến sở hữu trí tuệ, không chỉ những luật lệ bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, mà cả những luật lệ phát huy trí sáng tạo của người Việt Nam theo hướng hiện đại, nhất là các chế tài ngăn chặn các hành vi vi phạm, hoàn thiện hệ thống tổ chức liên quan đến việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, kể cả hệ thống tổ chức nghiên cứu sáng tạo.

(iii) Tăng cường các hoạt động dịch vụ thông tin truyền thông phổ biến các tri thức liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, cần đưa vấn đề quyền sở hữu trí tuệ vào nội dung giảng dạy ở các trường đại học.

(iv) Mở rộng sự hợp tác với các tổ chức nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm, đề đào tạo cán bộ, để hoàn thiện hệ thống pháp lý của Việt Nam theo hướng tiên tiến và hiện đại.

(v) Thúc đẩy việc nhập khẩu các bằng phát minh sáng chế, cải tiến ứng dụng và thương mại hóa. Đây là một hoạt động quan trọng vì các bằng phát minh, sáng chế của Việt Nam hiện còn hạn chế. Đây cũng là cách làm phổ biến của các nước đi sau.

(vi) Đổi mới chính sách bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài, lực lượng sáng tạo quan trọng của đất nước, theo hướng các bằng phát minh sáng chế phải được thương mại hóa, những nhà sáng chế phải được hưởng thù lao xứng đáng, sáng chế của họ phải được bảo vệ, họ phải được tôn vinh.

3.5. Thuế tài sản cá nhân

Quá trình đổi mới ở Việt Nam đã tạo điều kiện cho sự xuất hiện và phát triển của một

tầng lớp giàu có. Số lượng triệu phú USD của Việt Nam đã tăng rất nhanh với tốc độ hàng đầu Đông Nam Á. Do vậy, số lượng tài sản của họ cũng tăng nhanh, những tài sản thừa kế cũng tăng nhanh. Song, số thuế thu được từ tài sản cá nhân, đặc biệt là thuế thừa kế của họ lại rất nhỏ, mỗi năm chỉ mấy chục tỷ đồng. Hơn nữa, số lượng tài sản của họ hiện là bao nhiêu cũng không có cơ quan nào tính toán thống kê được, vì không có thông tin công khai, minh bạch. Những tài sản này rất đa dạng, có thể là bất động sản, là chứng khoán, là cổ phiếu...

- Phải kiểm kê tài sản của mọi người có tài sản từ 100 tỷ đồng trở lên một cách công khai minh bạch và phải có chế độ quy định cụ thể về việc đăng ký quyền thừa kế.

- Có thể quy định mức thuế lũy tiến đối với tài sản thừa kế, khối lượng tài sản càng lớn mức chịu thuế càng cao.

- Có chế độ khuyến khích những người giàu có lập các quỹ phúc lợi xã hội, thay vì để lại cho con cái. Quỹ phúc lợi xã hội này có thể được thành lập từ tiền của những người giàu có và được miễn mọi loại thuế.

3.6. Sở hữu nước ngoài

Trong các nền kinh tế thị trường hiện đại, người nước ngoài có quyền mua, bán và sở hữu mọi thứ từ các bất động sản, kể cả các cảng biển, sân bay, trừ những công trình liên quan đến an ninh quốc phòng. Một thời người Nhật giàu có đã đua nhau mua các tài sản ở Mỹ từ các thương hiệu, công nghệ đến bất động sản. Hiện nay, người giàu Trung Quốc cũng đang đua nhau mua tài sản ở Mỹ. Ngay cả Trung Quốc cũng đã cho phép người nước ngoài mua nhà cửa của Trung Quốc.

Ở Việt Nam, từ khi có Luật Đầu tư nước ngoài 1988, người nước ngoài được đầu tư trực tiếp vào Việt Nam, được quyền thuê đất có thời hạn, được quyền đầu tư xây dựng các nhà máy, công xưởng tại Việt Nam, được quyền kinh doanh trên nhiều lĩnh vực.

Để cho thị trường bất động sản Việt Nam phát triển và thực sự hội nhập quốc tế, Việt Nam cần thực thi những giải pháp sau:

- Cho phép người nước ngoài kinh doanh các loại bất động sản ở Việt Nam.

- Cho phép người nước ngoài được mua và có quyền sở hữu đất và nhà ở.

- Cho phép người nước ngoài (có lựa chọn) được thuê các hòn đảo ven biển Việt Nam cho các mục đích nghỉ dưỡng, du lịch. Canada và Hoa Kỳ đã làm việc này, họ đã có các công ty chuyên kinh doanh các dịch vụ nghỉ dưỡng trên hải đảo.

3.7. Nâng cao nhận thức xã hội

Những đổi mới quan điểm trên về chế độ sở hữu cần phải được xã hội am hiểu và thực thi khi đã được luật hóa. Do vậy công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến những kiến thức về các vấn đề liên quan đến những đổi mới chế độ sở hữu trở nên quan trọng và cần thiết.

Trước hết, phải sử dụng các phương tiện truyền thông công cộng, bao gồm: phát thanh, truyền hình, báo chí các thể loại để phổ biến những đổi mới trên.

Các cán bộ lãnh đạo các cấp của Đảng, Chính phủ, Quốc hội cần được quán triệt sâu sắc, để họ có thể thể chế hóa và thực thi. Đây là cấp quan trọng nhất cần được quán triệt và họ sẽ đưa vào các quy chế pháp luật.

Cần phải đưa các nội dung đổi mới về chế độ sở hữu khi được chấp thuận vào các sách giáo khoa dạy cho học sinh và sinh viên.

3.8. Đề xuất thí điểm

Trước khi thực thi rộng rãi các quan điểm mới về chế độ sở hữu, cần có thí điểm với các mô hình sau đây:

(i) Xây dựng các khu kinh tế với các thể chế hiện đại, quốc tế, tại đó sẽ thực hiện thí điểm các cơ chế mới về chế độ sở hữu. Chẳng hạn có thể cho phép người nước ngoài thuê đất xây dựng các khách sạn cao cấp với thời hạn 120 đến 150 năm cho phép người nước ngoài được quyền sở hữu nhà ở và quyền kinh doanh nhà ở.

(ii) Chọn một số DNNN hiện kinh doanh có lãi nhất bán toàn bộ cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, rút vốn nhà nước ra và kiểm định xem phần thu thuế sau khi cổ phần hóa có lớn hơn phần thu lợi nhuận trước đó, sau đó nhân rộng mô hình này trong tất cả các DNNN mà Nhà nước không cần nắm giữ.

(iii) Chọn 1 tổng công ty hay tập đoàn kinh tế nhà nước đang có nhiều chuyên môn giỏi làm đối tượng để tái cơ cấu. Lập các nhóm chuyên gia kinh tế có kinh nghiệm nghiên cứu và xử lý các vấn đề về bồi đắp đó và đề xuất các giải pháp.

(iv) Xây dựng một đề án đổi mới toàn bộ khu vực DNNN theo hướng giảm tỷ trọng và cổ phần hóa giữ lại rất ít DNNN 100% vốn nhà nước còn các doanh nghiệp không cần thiết nắm giữ có thể bán, khoán, cho thuê, cổ phần hóa. Đề án này sẽ thực hiện thí điểm một số tỉnh, thành phố có lựa chọn.

(v) Cần có một chiến lược dài hạn phát triển doanh nghiệp tư nhân Việt Nam đủ

sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

4. Kết luận

Chế độ sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam trước hết phải tuân theo các nguyên tắc của nền kinh tế thị trường hiện đại. Trong các nguyên tắc của nền kinh tế thị trường hiện đại, nguyên tắc sở hữu tư nhân là nền tảng của nền kinh tế thị trường, là nguyên tắc quan trọng. Xa rời nguyên tắc này, dù chúng ta cố gắng xây dựng nền kinh tế thị trường, thì đó vẫn là một nền kinh tế thị trường méo mó, khó được quốc tế công nhận. Sở hữu tư nhân hiện đại là chế độ sở hữu được cổ phần hóa, được xã hội hóa rất cao, công khai, minh bạch trên các thị trường chứng khoán. Tính xã hội cao của chế độ cổ phần hóa đã được C.Mác đánh giá rất cao, xem như là chế độ sở hữu quá độ sang hình thái kinh tế - xã hội mới.

Tài liệu tham khảo

1. C. Mác và Ph. Ăng-ghen toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, 2002, Hà Nội.
2. Phạm Minh Chính, Vương Quân Hoàng (2009), *Kinh tế Việt Nam - thăng trầm và đột phá*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
3. Võ Đại Lược (2011), *Kinh tế Việt Nam lý luận và thực tiễn*, Trung tâm Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Bùi Tắt Thắng (2006), *Chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.